TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 161/2019/QĐST-HNGĐ	*TP Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số số 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ P, phường H, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Vương Minh Đ, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm S, xã P, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vương Minh Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc A và anh Vương Minh Đ nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung, tên là Vương Nguyễn Nhã K, sinh ngày 03/6/2010 và Vương Nguyễn Linh U, sinh ngày 02/5/2015.

Sau khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vương Nguyễn Nhã K, sinh ngày 03/6/2010 và Vương Nguyễn Linh U, sinh ngày 02/5/2015, cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh Đ thỏa thuận, anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu Vương Nguyễn Nhã K, sinh ngày 03/6/2010 mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng),* cháu Vương Nguyễn Linh U, sinh ngày 02/5/2015 mỗi tháng là 1.000.000đ *(Một triệu đồng),* cho đến khi cháu K, cháu U trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì anh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A và anh Đ xác định không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị A tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm; 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007365 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án và người phải thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thì hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường Hoàng Văn Thụ TPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Quý My